TỈNH UỶ QUẢNG TRỊ
TRƯỜNG CHÍNH TRỊ LÊ DUẨN

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Quảng Trị, ngày 30 tháng 10 năm 2020

DANH SÁCH

THAM THAM GIA LỚP BỒI DƯỠNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚCNGẠCH CHUYÊN VIÊN KHOÁ 11, NĂM 2020

KIỂM TRA: KIẾN THỨC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC THEO NGÀNH, LÃNH THỔ

SỐ TT	HỌ VÀ TÊN		SỐ TỜ	CHỮ KÝ	ĐIỂM BÀI THI		Ghi chú
					Bằng số	Bằng chữ	
01	Nguyễn Thị Thúy	An	2		8.0	Tám	
02	Đoàn Thị Diệu	Ánh	1		7.5	Bảy Rưỡi	
03	Nguyễn Thị	Bích	1		7.0	Bảy	
04	Cung Thị	Bình	1		8.0	Tám	
05	Lê Trọng	Chính	01		8.0	Tám	
06	Hồ Sỹ	Công	01		7.5	Bảy Rưỡi	
07	Trương Phước	Đăng	1		7.0	Bảy	
08	Hồ Lương	Đạo	01		7.5	Bảy Rưỡi	
09	Lê Trung	Định	1		8.0	Tám	
10	Võ Văn	Đức	1		8.0	Tám	
11	Lê Thanh	Dũng	01		7.5	Bảy Rưỡi	
12	Lê Thị	Giang	01		8.0	Tám	
13	Nguyễn Việt	Hà	1		8.0	Tám	
14	Lê	Hài	01		8.0	Tám	
15	Nguyễn Khoa	Hải	01		7.5	Bảy Rưỡi	
16	Cao Thị Thu	Hằng	01		8.0	Tám	
17	Tạ Thị Thúy	Hằng	01		7.0	Bảy	
18	Nguyễn Thị Thúy	Hằng	01		8.0	Tám	
19	Nguyễn Văn	Hiếu	01		9.0	Chín	
20	Phạm Thị Hải	Hòa	01		8.0	Tám	
21	Võ Liên	Hoan	01		8.0	Tám	
22	Nguyễn Quang	Hợp	01		8.0	Tám	
23	Nguyễn Thanh	Hùng	01		7.0	Bảy	
24	Phan Vũ Diệu	Hương	01		9.0	Chín	
25	Phan Thị	Hướng	01		7.5	Bảy Rưỡi	
26	Trần Văn	Huỳnh	01		8.0	Tám	
27	Trần Thị Thương	Khanh	01		7.0	Bảy	
28	Võ Anh	Khoa	01		7.5	Bảy Rưỡi	
29	Trần Đăng	Khoa	01		7.5	Bảy Rưỡi	
30	Võ Tùng	Lâm	01		8.0	Tám	
31	Phan Thị	Lành	01		8.0	Tám	
32	Nguyễn Thị Hồng	Lê	01		7.5	Bảy Rưỡi	

STT	HỌ VÀ TÊN		SỐ TỜ	CHỮ KÝ	ĐIỂM BÀI THI		
					Bằng số	Bằng chữ	
33	Phan Thị Thanh	Loan	01		8.5	Tám Rưỡi	
34	Phan Thị	Loan	01		8.0	Tám	
35	Trần Thị	Lợi	01		8.5	Tám Rưỡi	
36	Phạm Nữ Ly	Na	01		8.0	Tám	
37	Trần Thị Mỹ	Ngọc	02		9.0	Chín	
38	Nguyễn Thị Minh	Nguyệt	1		7.5	Bảy Rưỡi	
39	Trần Thị Minh	Nguyệt	1		8.0	Tám	
40	Nguyễn Thị Ánh	Nguyệt	1		9.0	Chín	
41	Lê Thị Yến	Nhàn	1		8.5	Tám Rưỡi	
42	Đinh Duy	Nhân	01		8.0	Tám	
43	Võ Thị Hồng	Nhạn	01		8.0	Tám	
44	Trần Thị Hoàng	Oanh	01		8.0	Tám	
45	Nguyễn Thị Viên	Phương	01		8.5	Tám Rưỡi	
46	Trịnh Đình	Quang	01		8.5	Tám Rưỡi	
47	Tạ Văn	Quyến	01		8.0	Tám	
48	Võ Hải	Quỳnh	01		8.0	Tám	
49	Nguyễn Thị Anh	Tài	01		9.0	Chín	
50	Đoàn Văn	Thái	01		8.0	Tám	
51	Trương Thị Mỹ	Thao	02		8.5	Tám Rưỡi	
52	Trần Thị Thu	Thảo (87)	01		8.0	Tám	
53	Trần Thị Thu	Thảo (72)	01		8.5	Tám Rưỡi	
54	Trương Hữu	Thư	1		8.0	Tám	
55	Lê Quang	Thuận	01		9.0	Chín	
56	Nguyễn Văn	Thương	01		9.0	Chín	
57	Trương Thị Anh	Thương	01		8.0	Tám	
58	Lê Thị Diệu	Thúy	01		8.0	tám	
59	Nguyễn Đăng	Thủy					Vắng
60	Phan Thị Thái	Thuyền	1.		8.0	Tám	
61	Lê Thị Bé	Trang	01		8.0	Tám	
62	Nguyễn Thị Như	Trang	01		7.5	Bảy Rưỡi	
63	Nguyễn Thị Thùy	Trang	01		7.5	Bảy Rưỡi	
64	Đào Thị Thu	Trang	01		8.5	Tám Rưỡi	
65	Đỗ Văn	Trí	01		8.5	Tám Rưỡi	
66	Nguyễn Bá	Triều	01		7.5	Bảy Rưỡi	
67	Trần Công	Trường	01		9.0	Chín	
68	Hoàng Thị Thanh	Tú	01		9.0	Chín	
69	Lê Thị	Tư	01		7.5	Bảy Rưỡi	
70	Lê	Vân	01		7.5	Bảy Rưỡi	
71	Hoàng Thị Bích	Vân	01		8.0	Tám	

Nguyễn Hữu	Vân	8,1		8,5	Tám Rưỡi	

Tổng số: 72 học viên

Số học viên đủ điều kiện KT:

Tổng số bài KT: 71

Loai giỏi: (từ 9 đến 10).....9..... bài, chiếm.....12,7.....%

Loại khá: (từ 7.0 đến <9)....62.....bài, Chiếm.....87,3.....%

Loại trung bình:(5 đến < 7)..... bài, chiếm.....%

Không đạt: dưới 5.0.....bài, chiếm.....%

Người lập	Giảng viên chấm	Xác nhận Khoa
Nguyễn Thị Mỹ Vân	Nguyễn Hữu Thắng	Nguyễn Quốc Tuấn

Nguyễn Quốc Tuấn